

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 9 - 2022

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Vũ Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Đình Phương

2. Bà Hoàng Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Bích Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXX-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn T sinh năm 1975;

2. *Bị đơn:* anh Cù Ngọc M sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/7/2022, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn - chị Nguyễn T trình bày:

Chị và anh Cù Ngọc M được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình ngày 14/3/1998. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống; anh M có người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình; thời gian đầu mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đánh nhau; gần hai năm nay không ai nói chuyện với ai. Chị đã hai lần làm đơn xin ly hôn anh M nhưng được Tòa án phân tích, chị đã rút đơn xin ly hôn với mong muốn cải thiện tình cảm vợ chồng để các con có một gia đình đầy đủ, hạnh phúc nhưng sau khi chị rút đơn về tình cảm vợ chồng không những không cải thiện được mà còn mâu thuẫn trầm trọng hơn. Hiện nay, tuy vợ chồng sống trong cùng một mái nhà nhưng như hai người xa lạ, không quan tâm, chăm sóc nhau, tiền ai người đẩy giữ và chi tiêu, không liên quan gì đến nhau; tại phiên hòa giải tại Tòa án anh M cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, không còn tình cảm với chị. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Cù Ngọc M.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Cù Hoàng Th sinh ngày 06/10/1998 và Cù Ngọc Quốc A sinh ngày 15/02/2004. Trong Đơn khởi kiện chị T trình bày hiện nay cả hai con của anh chị đều đã trên 18 tuổi, cháu Th đã tự lập được cuộc sống, cháu A năm nay bắt đầu vào học năm thứ nhất đại học, chưa tự lập được cuộc sống, vẫn cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của bố mẹ, nếu vợ chồng ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng cháu Th, chị đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng cháu A theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án anh chị tự thỏa thuận được với nhau về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A nên chị xin rút yêu cầu giải quyết việc nuôi con khi ly hôn.

Về tài sản, công nợ chung: không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn - anh Cù Ngọc M trình bày:

Về điều kiện kết hôn, thời gian địa điểm đăng ký kết hôn giữa anh và chị Nguyễn T như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn anh và chị T chung sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T nghi anh đã có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng có xảy ra cãi chửi nhau, đánh nhau, không còn quan tâm nhau, từ năm 2019 đến nay vợ chồng không nói chuyện với nhau, anh xác định tình cảm vợ chồng

không còn, vợ chồng mâu thuẫn đã lâu, không thể hàn gắn được nhưng vì con anh không đồng ý ly hôn vào thời điểm này, anh muốn chờ đến khi nào các con anh học xong, có công ăn việc làm ổn định, có gia đình riêng thì anh sẽ đồng ý ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày. Anh không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng các cháu ăn học, anh sẽ có trách nhiệm chu cấp cho hai con ăn học.

Về tài sản, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình đã phát biểu ý kiến nhận xét về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử.

Áp dụng Điều 19; khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia Đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội . Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện giải quyết việc nuôi con khi ly hôn.
2. Cho chị Nguyễn T ly hôn anh Cù Ngọc M.
3. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn T phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Cù Ngọc M, anh M có đơn xin xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

Chị Nguyễn T xin ly hôn anh Cù Ngọc M. Anh Cù Ngọc M là bị đơn có địa chỉ tại phường N, thành phố Ninh Bình. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39

của Bộ luật tổ tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình.

[2] Về Nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu giải quyết việc nuôi con khi ly hôn: trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn T xin rút đối với yêu cầu khởi kiện này. Xét thấy, việc rút phần yêu cầu giải quyết việc nuôi con khi ly hôn của chị T là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà chị T đã rút.

[2.2] Đối với yêu cầu giải quyết việc ly hôn.

Chị Nguyễn T và anh Cù Ngọc M được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, không bên nào bị ép buộc kết hôn, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình ngày 14/3/1998 theo đúng quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống, do không tin tưởng nhau, do nghi ngờ sự chung thủy của nhau dẫn đến mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, đánh nhau. Chị T, anh M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nhiều năm anh chị không nói chuyện gì với nhau nhưng anh M không đồng ý ly hôn vào thời điểm này, anh muốn chờ đến khi nào các con anh học xong, có công ăn việc làm ổn định, có gia đình riêng thì anh sẽ đồng ý ly hôn.

Tại Đơn đề nghị đề ngày 10/9/2022, của cháu Cù Hoàng Th và Cù Ngọc Quốc A (con của anh M, chị T) trình bày: trong nhiều năm qua bố mẹ sống không hạnh phúc do mâu thuẫn về tình cảm, tiền bạc và nhiều quan hệ khác khó hòa giải; không thể ngồi lại nói chuyện văn minh để đưa ra giải pháp chung cho gia đình; mâu thuẫn rất ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần của các thành viên trong gia đình; ảnh hưởng nhiều đến con cái, không thể trực tiếp giải quyết tranh chấp và coi con như một hình thức gián tiếp để giải quyết vấn đề của nhau. Các cháu đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho bố mẹ được ly hôn để giải thoát cho tinh thần của bố mẹ cũng như tinh thần của các con.

Hội đồng xét xử thấy anh chị không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; chung sống với nhau mà không tin tưởng sự chung thủy của nhau; đánh cãi chửi nhau; mâu thuẫn giữa anh chị còn ảnh hưởng đến các con. Việc

duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho hai bên. Do đó, nên chấp nhận đề nghị xin ly hôn của chị T là phù hợp pháp luật và thực tế.

[3] *Về tài sản, công nợ chung*: không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] *Về án phí*: Chị Nguyễn T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] *Quyền kháng cáo*: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 19; khoản 1 các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia Đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTWQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện giải quyết việc nuôi con khi ly hôn.

2. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn T ly hôn anh Cù Ngọc M.

3. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn T phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000918 ngày 19/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình. Chị T đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Nguyễn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (30/9/2022). Anh Cù Ngọc M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Ninh Bình;
- THADS TP. Ninh Bình;
- UBND P. N, TPNB;
- Các đương sự
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hiền